

Bản án số: 46/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 25 – 7 - 2019

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

## **NHÂN DANH**

### **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thọ

*Các Hội thẩm nhân dân :*

1. Ông Châu Văn Bằng
2. Ông Nguyễn Văn Trương

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Võ Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:**  
Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự.

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu S      sinh năm: 1975      (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang

2. *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn U      sinh năm: 1978      (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn xin ly hôn ngày 12/4/2019, các văn bản tố tụng và tại tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Thu Sang trình bày:*

Bà và ông Đoàn Văn U tổ chức đám cưới và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/9/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn M. Ông, bà chung sống với nhau đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn và thường xuyên cự cãi nhau. Nguyên nhân do ông U ăn nhậu, không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ, con. Sau đó, ông U đuổi bà đi ra khỏi nhà nên bà đã về nhà mẹ ruột của bà ở. Ông, bà ly thân nhau từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Về con chung: Cháu Đoàn Minh T, sinh ngày 12/10/2017. Từ khi ly thân đến nay do bà S nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn nên bà S yêu cầu xin ly hôn với ông U

Về con chung: Bà S yêu cầu nuôi cháu T, không yêu cầu ông U phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Đoàn Văn U đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa nhưng đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán – Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành còn bị đơn chưa chấp hành tốt quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông U vắng mặt mặc dù đã được Tòa án thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa bà S với ông U thấy rằng bà S và ông U tự nguyện chung sống với nhau, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M theo đúng quy định nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, sau khi về chung sống với nhau chỉ được thời gian ngắn (khoảng một năm rưỡi) thì đã phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau và ly thân nhau vào năm 2018 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù ông U được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không có mặt tại Tòa để cho biết ý kiến. Tuy nhiên, Tòa án đã thu thập chứng cứ lấy lời khai mẹ ruột của ông U là bà Nguyễn Thị Đ và được bà Đ cho biết giữa ông U với bà S phát sinh mâu thuẫn vào năm 2018 nên bà S về nhà cha mẹ ruột ở. Nay ông U do bận làm ăn xa và có nói với bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt cho ông.

Từ những nêu trên, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông, bà đã trầm trọng. Phía bị đơn ông U không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Nay ông, bà mỗi người ở mỗi nơi, nếu kéo dài thêm thời gian thì mối quan hệ hôn nhân cũng không thể nào hàn gắn được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà S.

Đối với yêu cầu xin được nuôi con của bà S thấy rằng từ khi ly thân đến nay, cháu Đoàn Minh T do bà Sang nuôi dưỡng, Hơn nữa, cháu T sinh ngày 12/10/2017 còn nhỏ nên rất cần có sự chăm sóc của người mẹ, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cũng đã quy định “*con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*”. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án ông U không có bất cứ ý kiến, yêu cầu được nuôi con. Do đó, cần giao cháu Tr cho bà S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Ông U chưa phải cấp dưỡng nuôi con do bà S chưa yêu cầu. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho ông U không ai có quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Thu S và ông Đoàn Văn U
2. Về nuôi con chung: Giao cho bà Lê Thị Thu S được nuôi dưỡng cháu Đoàn Minh T, sinh ngày 12/10/2017 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Ông U chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm và chăm sóc con chung cho ông U không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Khai không có, không yêu cầu nên không xem xét.

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị Thu S phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0018127 ngày 12/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Bà S đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Lê Thị Thọ**